TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:88/2022/HS- ST
Ngày 27-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thiện
Bà Giáp Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên .

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2022/TLST- HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2022/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tạ Văn Đ, sinh năm 1993

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHK và chỗ ở: thôn Ng, xã S, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tạ Văn N và bà: Dương Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Tạ Văn C, sinh năm 1996

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHK và chỗ ở: thôn Ng, xã S, huyện T, tỉnh Bắc ; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tạ Văn Đo và bà: Ngô Thị Th; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 25/6/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*
- Ông Thân Nhân Ng, sinh năm 1955 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Anh Tạ Văn Q, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Ng, xã S, huyện T, tỉnh B.
- Anh Nguyễn Thế Tr, sinh năm 1984 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

- Anh Giáp Văn Nh, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn H, xã S, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/6/2022, Tạ Văn Đ, sinh năm 1993, trú quán thôn Ng, xã S, huyện T đến nhà anh Tạ Văn Q, sinh năm 1974 ở cùng thôn mượn xe mô tô gắn biển kiểm soát 98M9 – 7564 rồi Đ điều khiển xe sang nhà Tạ Văn C, sinh năm 1996 ở cùng thôn rủ C đi chơi thì C đồng ý. Lúc này, C điều khiển xe mô tô chở Đ đi theo hướng đường tỉnh lộ 295 qua cầu Th rẽ vào đường bê tông nội thôn C, xã Ng. Khi đến khu vực trước cổng nhà ông Thân Nhân M, sinh năm 1953 ở thôn C thì Đ phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave ZX màu đỏ - đen gắn biển kiểm soát 98L7 – 6137, trên xe có treo một chiếc mũ bảo hiểm màu nâu, trên mũ có ghi chữ "TCKT", màu vàng của ông Thân Nhân Ng, sinh năm 1955, trú tại thôn C, xã Ng, huyện T để ở lề đường, chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá điện. Lúc này, Đ nảy sinh ý định trộm cắp xe nên bảo C "xe có chìa khóa, quay lại xem có anh nào không để lấy". Nghe Đ nói vậy, C đồng ý và điều khiển xe vòng đi vòng lại khoảng 03 lần mục đích quan sát. Sau khi thấy không có ai trông coi, Đ bảo C "đỗ lại để lấy" thì C dừng xe, tắt máy đứng chờ cách vị trí xe mô tô của ông Ng khoảng vài mét, còn Đ đi bộ đến thấy khóa xe đang mở nên ngồi lên xe, đề nổ máy rồi điều khiển xe đi trước, còn C đi theo phía sau. Đi được khoảng 10m, Đ vứt chiếc mũ bảo hiểm (treo ở xe) ra lề đường, khi đến khu vực sân bóng thôn C, Đ tiếp tục tháo chiếc gương chiếu hậu bên trái vứt ra lề đường rồi điều khiển xe về nhà Đ. Tại đây, C tháo chiếc gương chiếu hậu bên phải xe ra sau đó đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, C mang cờ lê sang nhà Đ tháo chiếc biển kiểm soát xe trộm cắp được ra để tại nhà Đ. Đến 22 giờ, C gọi điện thoại cho Giáp Quốc B, sinh năm 1993 ở thôn B, xã S, huyện T nhờ B bán hộ chiếc xe trộm cắp được, B đồng ý và hẹn đến nhà Đ để lấy xe. C, B đến nhà Đ lấy xe mô tô mang ra khu vực đường thôn giáp với cánh đồng thôn Ng, xã S rồi đưa chìa khóa xe cho B để B mang xe đi bán. Trong lúc C, Đ đứng chờ B đi bán xe thì gặp Giáp Văn Nh, sinh năm 1996, trú tại thôn H, xã S, huyện T đi qua và đứng lại nói chuyện. Một lúc sau, B gọi điện thoại cho C nói đã bán được xe, C nhờ Nh chở đi đón B tại khu vực cổng trường tiểu học xã Ph, huyện T. B bán xe được số tiền 2.500.000 đồng về đưa cho C, C và Đ mỗi người được 1.000.000 đồng, C cho B 200.000 đồng, còn lại 300.000 đồng thì các đối tượng đã mua nước, thuốc lá cùng nhau sử dụng. Khoảng 03 ngày sau, Đ đã đem chiếc biển kiểm soát 98M9 – 7564 vứt tại khu vực ngòi C thuộc thôn Ng, xã S, huyện T.

Sau khi phát hiện mất xe mô tô, ngày 16/6/2022, ông Thân Nhân Ng làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đồng thời giao nộp 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm màu nâu, trên mũ có ghi chữ "TCKT", màu vàng, mũ cũ đã qua sử dụng.

Biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 16/6/2022, Tạ Văn C

đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi cùng Tạ Văn Đ trộm cắp xe mô tô vào ngày 07/6/2022. Quá trình đầu thú, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu đen, số IMEI: 990002339832288, gắn sim số 0984.168.572, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Căn cứ vào lời khai của C, ngày 16/6/2022 Cơ quan điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Tạ Văn Đ, đồng thời tạm giữ của Đ 01 (một) áo sơ mi màu nâu, đường kẻ màu đỏ, đen, áo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác màu nâu, áo cũ đã qua sử dụng.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Tạ Văn Đ tại thôn Ng, xã S. Kết quả khám xét thu giữ tại giá nhựa trước cửa nhà tắm 01 (một) chiếc gương chiếu hậu bên phải xe mô tô, màu đen, gương cũ đã qua sử dụng.

Ngày 16/6/2022, Cơ quan điều tra tiến hành cho Tạ Văn Đ và Tạ Văn C xác định hiện trường, kết quả Đ và C xác định đúng vị trí đã trộm cắp xe mô tô của ông Ng là khu vực cổng gia đình ông Thân Nhân M ở thôn C, xã Ng, huyện T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 42/KL-ĐGTS ngày 20/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T kết luận:

Tài sản từ chối định giá: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu nâu, trên mũ có ghi chữ "TCKT" màu vàng, mũ đã qua sử dụng.

Tài sản định giá: xe mô tô nhãn hiệu Honda wave ZX màu đỏ - đen, biển kiểm soát 98L7 – 6137, xe cũ đã qua sử dụng trị giá 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 10/9/2022 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Tạ Văn Đ và Tạ Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Tạ Văn Đ từ 09 tháng đến 11 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 22 thang tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Tạ Văn C từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo C, Đ cho UBND xã S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về hình phạt bổ sung: không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo C, Đ. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế Tr trình bày: anh là anh rể của bị cáo Đ và có quan hệ họ hàng với bị cáo C, số tiền anh bồi thường cho gia đình ông Ng 13.000.000 đồng là tiền của bị cáo Đ nhờ anh bồi thường cho ông Ng, đến nay anh không có yêu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng hơn 12 giờ ngày 07/6/2022 tại trước cổng gia đình ông Thân Nhân M, sinh năm 1953 ở thôn C, xã Ng, huyện T, Tạ Văn Đ, sinh năm 1993 và Tạ Văn C, sinh năm 1996, đều trú quán thôn Ng, xã S, huyện T, tỉnh B đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave ZX màu đỏ - đen, biển kiểm soát 98L7 - 6137, trị giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) của ông Thân Nhân Ng và 01 chiếc mũ bảo hiểm màu nâu, trên mũ có ghi chữ "TCKT" màu vàng, mũ đã qua sử dụng không xác định được giá trị.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông Thân Nhân M trị giá 12.000.000đồng và 01 chiếc mũ bảo hiểm màu nâu, các bị cáo Đ, C có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của các bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: các bị cáo Đ, bị cáo C là người có nhân thân tốt.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: các bị cáo Đ, C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đ, C phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện phạm tội, bị cáo C đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Đ đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 13.000.000 đồng. Bị hại ông Thân Nhân Ng có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về vai trò của các bị cáo: các bị cáo Đ, C đều cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo Đ là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của bị hai. Bị cáo C có vai trò giúp sức, sau khi các bị cáo thực hiện chiếm đoạt chiếc xe bị cáo C đã nhờ người bán chiếc xe để lấy tiền các bị cáo chi tiêu cá nhân. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét tính chất và mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo Đ và bị cáo C đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể và rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã chấp hành tốt pháp luật cũng như quy định của địa phương nơi cư trú. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân chấp hành tốt pháp luật, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo Đ, bị cáo C không có thu nhập, không có tài sản gì, sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với Giáp Quốc B là người trực tiếp mang xe mô tô đi bán và được C nói cho Bảo biết về nguồn gốc chiếc xe mô tô C nhờ B bán hộ là xe do trộm cắp mà có, Cơ quan điều tra đã triệu tập B để làm việc, tuy nhiên B vắng mặt tại địa phương. Ngoài C nói cho B biết nguồn gốc chiếc xe nhờ B đi bán là xe trộm cắp ra thì Đ không nói nguồn gốc xe cho C biết và Đ cũng không biết và chứng kiến việc C nói cho B biết về nguồn gốc chiếc xe mô tô trên. Mặt khác C xác định số điện thoại 0372.439.628 là số điện thoại mà C đã gọi đến cho B. Kết quả thu giữ điện tín của Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội xác định không lưu trữ được nội dung cuộc gọi, xác định chủ thuê bao này mang tên Nguyễn Thị Minh D, sinh ngày 22/12/1999 ở xã N, huyện N, tỉnh H, Cơ quan điều tra Quyết định ủy thác đến Cơ quan điều tra Công an huyện N, tỉnh H để điều tra nhưng chưa có kết quả. Do chưa có căn cứ xử lý đối với B nên ngày 24/8/2022 Cơ quan điều tra Công an

huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến Giáp Quốc B ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[6] Đối với anh Tạ Văn Q là người cho Tạ Văn Đ mượn xe mô tô ngày 07/6/2022, tuy nhiên anh Q không biết việc Đ sử dụng xe để đi trộm cắp nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 98M8 - 1940 nhưng Q đem biển kiểm soát kèm đăng ký xe đi cầm cố để vay tiền, sau đó nhặt được chiếc biển kiểm soát 98M9 - 7564 nên gắn vào xe để sử dụng, đến ngày 13/6/2022 Q bán chiếc xe này cho một người không quen biết. Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu liên quan đến Công an huyện T để xem xét xử lý Q về hành vi sử dụng xe mô tô gắn biển số không đúng với giấy đăng ký xe.

[7] Đối với Giáp Văn Nh, là người chở C đi đón B sau khi B tiêu thụ xe trộm cắp, tuy nhiên Nh không biết và không được C nói cho biết nguồn gốc xe mô tô trên do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Đ đã nhờ anh Nguyễn Thế T là anh dể của bị cáo Đ đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 13.000.000 đồng, đến nay ông Ng không yêu cầu bị cáo Đ, C phải bồi thường gì. Anh Nguyễn Thế T xác định số tiền nêu trên là của bị cáo Đ. Tại phiên tòa bị cáo Đ không yêu cầu bị cáo C phải trả cho anh số tiền đã bồi thường cho ông Ng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng: đối với chiếc xe mô tô C và Đ trộm cắp của ông Thân Nhân Ng, do Giáp Quốc B không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không xác định và thu hồi được chiếc xe mô tô này. Cơ quan điều tra ra Thông báo truy tìm vật chứng đồng thời ra Quyết định truy tìm người nhưng đến nay chưa có kết quả.

Đối với chiếc cờ lê C sử dụng tháo biển kiểm soát xe, do C đã vứt đi nhưng không nhớ địa điểm nên không có căn cứ để truy tìm. Đối với chiếc gương chiếu hậu bên trái và biển kiểm soát của xe do Đ đã vứt đi, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Đối với chiếc gương chiếu hậu bên phải và 01 mũ bảo hiểm là tài sản hợp pháp của ông Thân Nhân Ng, ngày 24/6/2022. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại ông Ng quản lý, sử dụng.

Chiếc áo khoác và áo sơ mi là của Tạ Văn Đ nhưng Đ không đề nghị xin lại, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu đen, số IMEI: 990002339832288, gắn sim số 0984.168.572, điện thoại di động cũ đã qua sử dụng là của Tạ Văn C sử dụng để trao đổi với B nhờ B mang xe trộm cắp đi tiêu thụ nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10] Về án phí: bị cáo Đ, C mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Tạ Văn Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Tạ Văn C.

Khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn C 07 (bẩy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ, bị cáo C.

Giao bị cáo Đ, bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu đen, số IMEI: 990002339832288, gắn sim số 0984.168.572, điện thoại di động cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo khoác và áo sơ mi.

3. Về án phí: bị cáo Đ, C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Oanh